TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2019/HSST
Ngày: 26-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Bào.

Các hội thẩm nhân dân: ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Tiến Tịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến– Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/HSST, ngày 14/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nhật T, sinh ngày 05/02/2001, tại tỉnh Đ; nơi đăng ký NKTH thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn lớp: 05/12; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày khởi tố bị can. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Lê Trường S, sinh năm 1997, tại tỉnh: Đ; nơi đăng ký NKTH thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn lớp: 07/12; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn L, sinh năm 1965 và bà: Trần Thị T, sinh năm 1960; tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày khởi tố bị can. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo Lê Trường S:* Ông Phạm Quang L Bà Vi Thị A là trợ giúp viên pháp lý thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đ. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1996. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Ông Trần Văn P, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2.Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

3.Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

4.Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2003 (Có mặt). Người đại diện hợp pháp của chị D: Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị D) vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

5.Bà Trần Thị T, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

6.Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:* Ông Trần T, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 30 phút, ngày 15/02/2019, khi đang ở nhà Lê Trường S chơi Nguyễn Nhật T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài nên đã rủ S đi trộm cắp tài sản thì được Lê Trường S đồng ý. Sau đó S sử dụng xe nhãn hiệu Boss City, biển kiểm soát số 48AB – 036.24 (xe của bà Nguyễn Thị H, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ giao cho con gái là Trần Thị Mỹ D sử dụng, chị D cho S mượn) chở T đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi S điều khiển xe chở T đi ngang qua nhà Nguyễn Ngọc L, trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ thấy không có người ở nhà nên S dừng xe bên lề đường rồi cùng T đi bộ vòng ra phía sau tìm cách đột nhập vào nhà anh L, Lê Trường S dùng một cái đục bằng kim loại, cán nhựa dài 11 cm, một cái cuốc cán tre dài 1,78m (của gia đình anh L được để ở khu vực bên ngoài nhà) để cạy cửa sổ, sau khi cạy được cửa sổ S và T leo vào bên trong dùng cuốc đập bể ô kính cửa khu vực nhà bếp, S mở khóa rồi cả hai đi vào nhà lục tìm tài sản lấy được một đôi bông tai bằng vàng trong tủ

quần áo ở phòng ngủ, một máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đen để ở trên giường ngủ của anh L.

Sau khi lấy trộm được tài sản, T, S mang đôi bông tai vàng bán cho bà Lê Thị kim L, trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ là chủ tiệm vàng K với giá 450.000 đồng (sau đó bà Lê Thị Kim L đã bán cho người khác không xác định được nhân thân, lai lịch), S và T chia nhau mỗi người 200.000 đồng, còn 50.000 đồng dùng để đổ xăng. Đối với máy tính xách tay S bán cho anh Trần Văn P, trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ với giá 1.800.000 đồng rồi S và T chia nhau mỗi người 900.000 đồng. Sau đó hành vi của T và S đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil phát hiện, tại cơ quan cảnh sát điều tra T và đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/HĐĐGTS ngày 21/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đen, có giá trị còn lại là 2.200.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 18/HĐĐGTS ngày 02/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 cửa sổ khung bằng kim loại, kích thước 120 cm x 50 cm, kích thước phần bị cạy 20 cm x 08 cm; 01 ô kính kích thước 33 cm x 24 cm x 0.4 cm bị bể vỡ, phần bể vỡ có kích thước 18 cm x 12 cm; 01 ổ khóa bằng kim loại, không nhãn hiệu. Tổng giá trị thiệt hại là 310.000 đồng.

Tại Công văn số 20/HĐĐGTS ngày 12/4/2019 gửi cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil trả lời đề nghị trưng cầu định giá tài sản số 81 ngày 16/4/2019 của cơ quan CSĐT công an huyện Đắk Mil về việc yêu cầu định giá tài sản là 01 đôi bông tai vàng. Nhận thấy tài sản trên không thu giữ được, bị hại không cung cấp được hóa đơn chứng từ, hình ảnh liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil không có đủ căn cứ để định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 24/CTr – VKS ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Nguyễn Nhật T, Lê Trường S về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Nhật T và Lê Trường S. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành

vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo T, S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo S từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: chấp nhận trong giai đoạn điều tra các bị cáo T, S đã đã bồi thường cho người bị hại Nguyễn Ngọc L 1.000.000 đồng; bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn P số tiền 2.100.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự đề nghị:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Ngọc L (chủ sở hữu) 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS; 01 cái đục bằng kim loại, cán nhựa dài 11 cm; 01 cái cuốc cán bằng tre dài 1,78m. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H (chủ sở hữu) 01 xe máy nhãn hiệu Boss City, biển kiểm soát số 48AB – 036.24.

Đối với một đôi bông tai bằng vàng do không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Đối việc các bị cáo thực hiện hành vi dùng đục, cuốc phá cửa nhà anh L để lấy trộm tài sản gây thiệt hạn số tiền 310.000 đồng chưa đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo S: ông Phạm Quang L và bà Vi Thị A cho rằng việc truy tố, xét xử bị cáo S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan. Tuy nhiên bị cáo S phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, nơi ở rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo S được hưởng mức hình phạt dưới khung thấp nhất của Điều luật và cho bị cáo S được hưởng án treo.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo T, S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 15/02/2019 tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của anh Nguyễn Ngọc L, các bị cáo T, S đã đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS trị giá 2.200.000 đồng, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý các bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận các bị cáo T, S phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[4] Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại

địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ hám lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi dùng đục, cuốc phát cửa nhà anh Nguyễn Ngọc L, hành vi của các bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải xử phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên trong vụ án có hai bị cáo cùng tham gia, tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo khác nhau vì vậy cần phân hóa trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo thì mới bảo đảm được tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật. Đối với bị cáo T bị cáo là người rủ rê bị cáo S đi trộm cắp tài sản do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội. Đối với bị cáo S là người thực hành tích cực, bị cáo là người dùng đục gỗ đục cạy cửa nhà anh L để lấy trộm tài sản, sau khi lấy trộm bị cáo là người trực tiếp đi bán tài sản để lấy tiền tiêu xài.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bị hại bãi nại xin giảm hình phạt cho các bị cáo; Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, thuộc các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự (Riêng bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự). Kết hợp những tình tiết giảm nhẹ nêu trên để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

Xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp của khung hình phạt cũng có đủ tác dụng.

[7] Xét bị cáo S là người có nhân thân xấu, năm 2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, bị cáo đã

chấp hành xong hình phạt năm 2016. Vì vậy không có căn cứ để cho bị cáo S được hưởng án treo như lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận trong giai đoạn điều tra các bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 1.000.000 đồng ; bồi thường cho anh Trần Văn P số tiền 2.100.000 đồng người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm.

Đối với bà Lê Thị Kim L là người mua đôi bông tai bằng vàng của các bị cáo với giá 450.000 đồng sau đó bà K bán lại cho người khác, trong giai đoạn điều tra, truy tố không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Ngọc L 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đen; 01 chiếc đục bằng kim loại, cán nhựa màu xanh dài 11 cm, lưỡi dài 14 cm, một cuốc cán tre dài 1,78m. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 xe máy nhãn hiệu Boss City, biển kiểm soát số 48AB – 036.24.

Đối với một đôi bông tai bằng vàng do không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo bị cáo Nguyễn Nhật T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Lê Trường S là người thuộc diện hộ cận nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhật T, Lê Trường S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhật T 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm b,h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Trường S 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận trong giai đoạn điều tra các bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 1.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Trần Văn P số tiền 2.100.000 đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc L 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS; 01 cái đục bằng kim loại, cán nhựa màu xanh dài 11 cm; 01 cái cuốc cán tre dài 1,78m. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 xe máy nhãn hiệu Boss City, biển kiểm soát số 48AB – 036.24..

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Nguyễn Nhật T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Trường S.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Mil;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đắk Mil;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nông Văn Bào